

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1932/QĐ-DHSPHN2 ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: English Language

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã số: 7220201

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

Loại hình đào tạo: Vừa làm vừa học

Thời gian đào tạo: 2 năm

Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể:

- Đảm nhận các vị trí công tác như biên dịch viên, phiên dịch viên, nhân viên văn phòng, thư ký, trợ lý văn phòng, nhân viên hành chính, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên khách sạn;

- Làm giáo viên tiếng Anh tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác sau khi được bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- Làm việc trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, xuất bản, báo chí - truyền thông,...

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể:

- Tiếp tục học tập và nâng cao trình độ ở bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành ngôn ngữ Anh, giảng dạy tiếng Anh và giáo dục học.

- Tham gia các chương trình, khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các tổ chức đào tạo trong nước và quốc tế.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: năm 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực nghề nghiệp vững vàng để đảm nhiệm hiệu quả công tác biên-phiên dịch, hành chính-văn phòng, du lịch và các công tác khác trong môi trường làm việc sử dụng tiếng Anh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Có phẩm chất chính trị, ý thức công dân, ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức và tác phong nghề nghiệp;
M2	Có năng lực nền tảng (giải quyết vấn đề, tự chủ, hợp tác, phản biện, khởi nghiệp) để tiến hành hiệu quả các hoạt động học tập và chuyên môn
M3	Nắm vững kiến thức ngôn ngữ Anh, văn hóa các nước nói tiếng Anh và kỹ năng sử dụng tiếng Anh
M4	Nắm vững kiến thức và kỹ năng biên-phiên dịch Anh-Việt và Việt-Anh;
M5	Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và điều hành công tác hành chính-văn phòng hoặc công tác du lịch;
M6	Có khả năng tư vấn, hỗ trợ và hợp tác với đối tác và khách hàng;
M7	Có khả năng phát triển nghề nghiệp của bản thân;
M8	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ Anh;
M9	Có đủ sức khoẻ để học tập và công tác, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống;
C2	Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc đặc thù, vị trí công tác;
C3	Sử dụng ngôn ngữ và các loại phương tiện phi ngôn ngữ linh hoạt để trình bày thông tin, đàm phán và lập luận; và giải quyết các vấn đề cơ bản về chuyên môn, nghề nghiệp một cách hiệu quả;
C4	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp;
C5	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về văn hóa của các nước nói tiếng Anh và đổi chiếu với văn hóa Việt Nam để giao tiếp thành công trong môi trường đa văn hóa;
C6	Đạt được trình độ tiếng Anh tương đương bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;
C7	Vận dụng hiệu quả kiến thức và kỹ năng biên – phiên dịch vào công tác liên quan đến dịch thuật;
C8	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin trong công việc;
C9	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn;

C10	Tư vấn, hỗ trợ và phát triển quan hệ, hợp tác với đối tác và khách hàng hiệu quả;
C11	Chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; tham gia nghiêm túc và đầy đủ các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của cơ quan công tác, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc;
C12	Đạt trình độ ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. (Đối với sinh viên người nước ngoài học ngoại ngữ 2 là tiếng Việt: Đạt trình độ năng lực tiếng Việt bậc 3 theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài)
C13	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để triển khai các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;
C14	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện một số môn thể dục, thể thao;

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể								
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9
C1	X								
C2	X				X				
C3		X							
C4		X	X						
C5		X	X						
C6			X						
C7				X					
C8					X				
C9					X				
C10						X			
C11					X		X		
C12							X		
C13								X	
C14									X

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	31
I.1	Khối kiến thức Tiếng	20
I.2	Khối kiến thức Ngôn ngữ	06
I.3	Khối kiến thức Văn hóa – Văn học	05
II	Khối kiến thức Nghiệp vụ	25
III	Khóa luận Tốt nghiệp/Học phần thay thế	04
	TỔNG	60

4. Đối tượng tuyển sinh

- Là công dân Việt Nam;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng đúng chuyên ngành;
- Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp; Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
 - Đáp ứng những đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các qui định của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được tổ chức và quản lý theo tín chỉ;
Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoa học, năm và đợt học;
Người học được kéo dài thời gian đào tạo không quá 4,0 năm học kể cả thời gian nghỉ học tạm thời;

Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức quy định cho chương trình đào tạo, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy từng năm và kế hoạch TTSP, thi học phần thay thế KLTN; khoa Toán căn cứ vào kế hoạch của phòng Đào tạo phân công giảng viên lên lớp theo từng đợt, kỳ, năm và chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện quy định của khóa đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của Chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Đã hoàn thành việc đóng học phí.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kì qua các chỉ tiêu sau:

1. Điểm trung bình chung học kì: là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà người học đã học trong học kì đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

2. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

3. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình chung của các học phần mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp		Seminar, thảo luận	Thực hành thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập			
I	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		31					
I.1	Khối kiến thức tiếng		20					
1	Nghe - Nói 5	ENG211	3	30	30			75
2	Đọc - Việt 5	ENG212	3	30	30			75
3	Nghe - Đọc 6	ENG213	3	30	30			75
4	Nói - Việt 6	ENG214	3	30	30			75
5	Nghe - Đọc 7	ENG215	3	30	30			75
6	Nói - Việt 7	ENG216	3	30	30			75
7	Phương pháp NCKH trong ngành tiếng Anh	ENG218	2	15		15	15	45
I.2	Khối kiến thức ngôn ngữ		06					
8	Ngữ pháp học	ENG219	2	15	15	15		45
9	Từ vựng - ngữ nghĩa học	ENG220	2	15	15	15		45
10	Ngữ dụng học	ENG222	2	15	15	15		45
I.3	Khối kiến thức văn hóa - văn học		05					
11	Văn hóa Anh - Mỹ	ENG225	3	30		30		75
12	Kỹ năng thế kỷ 21	ENG228	2	15		15	15	45
II.	KHỐI KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ		25					

II.1	Khối kiến thức chuyên ngành Biên - Phiên dịch		22					
13	Lí thuyết dịch	EL301	2	15	30			45
14	Dịch câu	EL302	2	15	30			45
15	Dịch văn bản	EL303	2	15	30			45
16	Dịch phát ngôn	EL304	2	15	30			45
17	Dịch ngôn bản	EL305	2	15	30			45
18	Công nghệ trong dịch thuật	EL306	2	15	30			45
19	Đánh giá chất lượng bản dịch	EL307	2	15	30			45
20	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	EL308	2	15	30			45
21	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	EL309	2	15	30			45
22	Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	EL310	2	15	30			45
23	Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	EL311	2	15	30			45
II.2	Thực tập chuyên ngành		03					
24	Thực tập chuyên ngành	EL321	3				135	
III.	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH THAY THẾ		04					
25	Khóa luận tốt nghiệp	EL401	4					180
	Các môn chuyên ngành thay thế		4					
<i>Bắt buộc:</i>								
26	Thực hành Biên - Phiên dịch nâng cao	EL402	2	15	30			45
<i>Tự chọn: Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>								
27	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ	ENG403	2	15	30			45
28	Ngôn ngữ học xã hội	ENG404	2	15	15	15		45
	Tổng cộng		60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra¹

Học phần	CHUẨN ĐẦU RA													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
ENG211						T								
ENG212						T								
ENG213						T								
ENG214						T								
ENG215						T								
ENG216						T								
ENG218						U						T		
ENG219				T		U								
ENG220				T		U								
ENG222				T		U								
ENG225					T	U								
ENG228		U	I						T					
EL301		U						T						
EL302								T						
EL303							T							
EL304							T							
EL305							T							
EL306								T		T				
EL307								T						
EL308			T											
EL309			T											

¹ Tích "I" hoặc "T" hoặc "U" vào ô giao giữa hàng tương ứng với học phần và cột tương ứng với chuẩn đầu ra CTĐT, trong đó:

+ "I"- mức Giới thiệu (Introduce): Môn học có giới thiệu (ngắn gọn) cho sinh viên nội dung liên quan đến chuẩn đầu ra CTĐT C_k , không có chuẩn đầu ra nào của môn học liên quan đến chuẩn đầu ra C_k ;

+ "T"- mức Giảng dạy (Teach): Môn học có giảng dạy cho sinh viên nội dung mới liên quan đến chuẩn đầu ra CTĐT C_k , có chuẩn đầu ra của môn học liên quan đến chuẩn đầu ra C_k ;

+ "U"- mức Sử dụng (Utilize): Môn học coi như sinh viên đã có kiến thức nhất định liên quan đến chuẩn đầu ra CTĐT C_k và sẽ sử dụng kiến thức này để đạt được chuẩn đầu ra khác, không có chuẩn đầu ra của môn học liên quan đến chuẩn đầu ra C_k .

Học phần	CHUẨN ĐẦU RA													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
EL310		U					T							
EL311		U					T							
EL321											U			
EL401			U	U	U	U						T		
EL402							T							
ENG403			T	T	T	U			U		T			
ENG404			T	T	T	U								

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Nghe - Nói 5 (03 tín chỉ)

Học phần dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ ba ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Nội dung môn học được thiết kế theo tuần với thời lượng của mỗi tuần được phân bổ linh hoạt để bổ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên cho ba mục tiêu chính là phát triển kỹ năng nghe nói (skill building), phát triển kỹ năng làm bài thi VSTEP (testing) và phát triển kỹ năng học tập và tư duy phản biện (study skills and critical thinking skills).

8.2. Đọc – Viết 5 (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc về các chủ đề khác nhau của cuộc sống như mạng xã hội, thể thao, ngôn ngữ, và văn hóa-văn minh,... Đồng thời, người học được trang bị vốn từ vựng, định dạng và phương pháp viết các loại thư khác nhau.

8.2. Nghe – Đọc 6 (03 tín chỉ)

Nghe – Đọc 6 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh. Môn học hướng cho sinh viên những kỹ năng Nghe và Đọc theo định dạng bài thi quốc tế Ielts. Môn học trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối hệ thống về các chủ đề thuộc các lĩnh vực khoa học và xã hội hội.

8.3. Nói – Viết 6 (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc bài luận và viết các kiểu bài luận với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở mức độ phong phú và chính xác khá cao về những chủ đề khá phức tạp. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc của một bài luận, đặc trưng của các kiểu bài luận và thực hành dùng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để viết những bài luận đúng bối cảnh cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập ở mức độ nâng cao với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; cấu trúc câu tương đối dài phức tạp về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống, có thể phát triển hoàn chỉnh một chủ đề được cung cấp một cách linh hoạt và tự nhiên.

8.4. Nghe – Đọc 7 (03 tín chỉ)

- *Nghe – Đọc 7* là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Môn học tiếp tục cung cấp và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nghe đọc tiếng Anh, bao gồm:

- *Đọc*: Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; có thể hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được các nét khác biệt nhỏ giữa các văn phong, giữa nghĩa đen và nghĩa bóng; phát triển các kỹ năng đọc hiểu như đọc lấy thông tin và lập luận, đọc tìm thông tin.

- *Nghe*: Có thể theo dõi và hiểu được những tranh luận, lập luận mang tính trừu tượng; có thể theo dõi và hiểu được các bài giảng hay bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói thông tục, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc; có thể theo dõi và hiểu được các cuộc hội thoại phức tạp giữa người bản ngữ ngay cả khi nội dung là những chủ đề trừu tượng phức tạp, không quen thuộc.

8.5. Nói – Viết 7 (03 tín chỉ)

Nói-Viết 7 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành nâng cao về viết thư và viết các kiểu bài luận với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở mức độ phong phú và chính xác khá cao về những chủ đề khá phức tạp. Môn học tập trung rèn luyện kỹ năng viết thư theo đúng định dạng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp theo mục đích của từng loại thư. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc của một bài luận, đặc trưng của các kiểu bài luận và thực hành dùng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để viết những bài luận đúng bối cảnh cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa.

Bên cạnh đó, môn học cung cấp và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập ở mức độ nâng cao với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; cấu trúc câu tương đối dài phức tạp về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống. Môn học tập trung vào rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày/nhận định một vấn đề, đưa ra ý kiến tán thành/không tán thành đối với những luận điểm tương đối khó, đòi hỏi năng lực tư duy phản biện và lập luận sắc bén. Môn học giúp sinh viên thành thạo kỹ năng trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc (Part 1), trình bày thảo luận giải pháp với lập luận hợp lý (Part 2) và phát triển chủ đề với những luận điểm chặt chẽ, logic (Part 3) trong đề thi nói VSTEP một cách ngắn gọn, trôi chảy, hệ thống, chính xác và đạt hiểu quả cao. Sinh viên có thể hoàn thiện năng lực ngôn ngữ trình độ C1/cận C1 theo chuẩn VSTEP.

8.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh (02 tín chỉ)

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm các khái niệm cơ bản, các nguyên tắc về nghiên cứu và các loại hình nghiên cứu khoa học. Môn học cũng tạo ra các cơ hội tiếp xúc và thực hành cơ bản đầu tiên nhằm tiến hành một nghiên cứu khoa học. Học phần có mối liên hệ gần gũi với các học phần: Viết khoa học và khóa luận tốt nghiệp.

8.7. Ngữ pháp học (02 tín chỉ)

Ngữ pháp học (Grammar) là một môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết sâu, mang tính hệ thống về ngữ pháp tiếng Anh bao gồm kiến thức chủ yếu về từ loại (Từ, cụm từ) và cú pháp (Mệnh đề, các loại mệnh đề, Câu và các loại câu).

8.8. Từ vựng – ngữ nghĩa học (02 tín chỉ)

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên nắm bắt các đặc điểm về từ vựng của ngôn ngữ tiếng Anh như cấu tạo của từ: từ đơn, từ ghép, các kiểu tập hợp từ và mối quan hệ từ như: từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và các phương pháp chuyển nghĩa của từ như: ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh. Qua đó, SV có thể sử dụng linh hoạt ý nghĩa của từ nhằm biểu đạt mục đích mà người nói cần hướng tới.

8.9. Ngữ dụng học (02 tín chỉ)

Đây là môn học tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dụng học như: các khái niệm về quy chiếu, trực chỉ, các loại nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ (tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa), lý thuyết hành vi ngôn ngữ (lý thuyết của John L.Austin, lý thuyết của John R.Searle...) các nhân tố giao tiếp và quy tắc giao tiếp (vấn đề ngữ cảnh, diễn ngôn, các quy tắc về bảo tồn giá trị hữu ích, lịch sự, hợp tác hội thoại ...). Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phương pháp phân tích, mô tả các vấn đề dụng học trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ và gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu ngôn nói chung.

8.10. Văn hóa Anh – Mĩ (03 tín chỉ)

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đất nước, con người, địa lý, lễ hội, tôn giáo cũng như thái độ của người Anh, Mỹ, từ đó nâng cao năng lực sử dụng và giao tiếp tiếng Anh, cũng như bồi đắp thêm kiến thức đa văn hóa cho sinh viên.

8.11. Kỹ năng thế kỷ 21 (02 tín chỉ)

Đây là môn học tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học cung cấp cho sinh viên sinh viên những kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 nhằm áp dụng vào trong thực tiễn cuộc sống nói chung và giảng dạy nói riêng. Những kỹ năng đó bao gồm: Nhóm kỹ năng học tập và sáng tạo 4Cs (Tự duy phản biện và giải quyết vấn đề, Giao tiếp, Cộng tác, Đổi mới và Sáng tạo); Nhóm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sống (Tinh linh hoạt và khả năng thích ứng, Sáng kiến & Tự định hướng, Các kỹ năng xã hội và đa văn hóa; Lãnh đạo & Trách nhiệm); Nhóm kỹ năng thông tin, truyền thông và công nghệ (sử dụng và khai thác thông tin, truyền thông, và công nghệ để phục vụ cho học tập và cuộc sống). Môn học cũng cung cấp những tình huống trong cuộc sống và giảng dạy để sinh viên có cơ hội được áp dụng những kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề.

8.12. Lý thuyết dịch (02 tín chỉ)

Môn học Lý thuyết dịch, sinh viên sẽ có khả năng nắm được: lý thuyết biên dịch, khái niệm biên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niêm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên dịch, biên dịch từng từ, biên dịch theo nghĩa đen, biên dịch sát, biên dịch ý, biên dịch chuyển đổi, biên dịch tự do, biên dịch nghĩa bóng, biên dịch giao tiếp. Sinh viên sẽ có khả năng nắm được: lý thuyết phiên dịch, các hình thức phiên dịch, phiên dịch đoạn ngôn bản, phiên dịch đuôi, phiên dịch song hành, phiên dịch tóm tắt, kỹ năng phiên dịch viên, kỹ năng nghe, kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng ghi tốc ký, kỹ năng chuyển dịch, kỹ năng tái tạo ngôn bản, các vấn đề phiên dịch viên hay gấp và cách khắc phục, khó khăn về từ vựng chuyên ngành, hạn chế về kiến thức nền.

8.13. Dịch câu (02 tín chỉ)

Môn học Dịch câu tập trung vào vấn đề: Dịch câu đơn lẻ bảo đảm hình thức và nội dung. Môn học có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng: Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch câu song ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng bậc cao: phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp, ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ.

8.14. Dịch văn bản (02 tín chỉ)

Môn học Dịch văn bản tập trung vào vấn đề: Biên dịch các văn bản chuyên ngành hẹp nhưng không quá chuyên sâu, có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

+ Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch văn bản chuyên ngành hẹp nhưng không quá chuyên sâu.

+ Từ vựng bậc cao: theo các chủ đề: đất nước và con người, kinh tế, chính trị và xã hội, môi trường và du lịch, y tế và giáo dục, văn hóa và thể thao, khoa học và công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp, văn học; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, tiếng lóng, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, nghĩa: văn bản, tu từ, chơi chữ.

8.15. Dịch phát ngôn (02 tín chỉ)

Môn học Dịch phát ngôn tập trung vào các vấn đề:

- Nghe và dịch các tiêu đề tin, từng phát ngôn của tin vắn, đoạn đàm thoại bảo đảm hình thức và nội dung

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

+ Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch phát ngôn song ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa.

+ Từ vựng bậc cao theo chủ đề: đất nước và con người, kinh tế, chính trị và xã hội, môi trường và du lịch, y tế và giáo dục, văn hóa và thể thao, khoa học và công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp, văn học; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng.

+ Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ.

8.16. Dịch ngôn bản (02 tín chỉ)

Môn học Dịch ngôn bản tập trung vào các vấn đề:

- Nghe và dịch các bài phát biểu, diễn văn, bản tin chi tiết, báo cáo khoa học

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

+ Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch ngôn bản.

+ Từ vựng bậc cao: thuộc các lĩnh vực cuộc sống và công tác hàng ngày; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng.

+ Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, tiếng lóng, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, nghĩa: văn bản, tu từ, chơi chữ.

+ Kỹ năng nghe nhớ 3-5 câu, nghe ghi một đoạn, và kỹ thuật dịch từng đoạn, dịch đuổi, đối với các ngôn bản.

8.17. Công nghệ trong dịch thuật (02 tín chỉ)

Môn học Công nghệ trong dịch thuật được thiết kế cho đối tượng là sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh muốn ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) trong học tập các kỹ năng thực hành tiếng và trong công tác biên-phiên dịch. Mỗi bài học sẽ được thiết kế dưới dạng một workshop có tính tương tác và thực hành cao. Người học được thảo luận về các mẹo áp dụng các công cụ trong từng lĩnh vực như trong việc học tập các kỹ năng thực hành tiếng và trong công tác biên-phiên dịch. Sau đó, người học sẽ được hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số công cụ và áp dụng công cụ đó vào thực hành việc học tập hoặc các hoạt động chuyên môn liên quan đến biên-phiên dịch.

Về hình thức học, môn học được thiết kế với hình thức tích hợp (blended learning). Môn học sẽ được tích hợp phần học trực tiếp trên lớp với phần nội dung tự học và thực hành trên giao diện Microsoft 365. Vì đây là một khóa học mang tính thực hành và tự tìm hiểu rất cao, vai trò tự học của người học cần được phát huy trong khóa học này.

8.18. Đánh giá chất lượng bản dịch(02 tín chỉ)

Môn học giới thiệu các nội dung, lý thuyết, phương pháp và quy trình thường được áp dụng để đánh giá và thẩm định chất lượng bản dịch tại Việt Nam. Qua khóa học, giáo viên sẽ giúp sinh viên: i) hiểu được vai trò của việc đánh giá chất lượng bản dịch (Translation Quality Assessment), cũng như các đường hướng chính được áp dụng để đánh giá các loại văn bản khác nhau; và ii) có khả năng xác định và chia các lỗi trong các bản dịch để cải thiện chất lượng bản dịch. Các văn bản được sử dụng trong khóa học bao gồm các bản dịch Việt-Anh và Anh – Việt thuộc nhiều thể loại khác nhau.

8.19. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1 (02 tín chỉ)

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sử dụng tiếng Anh trong công tác du lịch, cụ thể là khái lược kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và các cấu trúc câu, các văn bản tiếng Anh cần thiết liên quan đến các công việc phải xử lý trong các loại hình dịch vụ du lịch người học phải nắm vững, đồng thời rèn luyện cho người học có được các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở trình độ trung cấp 3 (Intermediate level) trong các khâu của mỗi loại hình dịch vụ và các tình huống giao tiếp thường gặp trong công tác du lịch nói chung.

8.20. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2 (02 tín chỉ)

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về sử dụng tiếng Anh trong công tác du lịch, cụ thể là khái lược kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và các cấu trúc câu, các văn bản tiếng Anh cần thiết liên quan đến các công việc phải xử lý trong các loại hình dịch vụ du lịch người học phải nắm vững, đồng thời rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong công tác du lịch ở trình độ cao cấp(Upper-Intermediate level) trong các khâu của mỗi loại hình dịch vụ du lịch và các tình huống thường gặp trong công tác du lịch nói chung.

8.21. Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch (02 tín chỉ)

Môn học Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch tập trung vào vấn đề: Biên dịch Anh – Việt, Việt – Anh các văn bản chuyên ngành Du lịch, có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

- + Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong biên dịch văn bản chuyên ngành Du lịch
- + Từ vựng bậc cao về chủ đề du lịch, các thuật ngữ chuyên ngành Du lịch sử dụng trong các loại hình dịch vụ du lịch
- + Ngữ pháp bậc cao: các cấu trúc câu, cụm từ thường sử dụng trong các văn bản chuyên ngành Du lịch có văn phong trang trọng.

8.22. Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch (02 tín chỉ)

Môn học Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch tập trung vào vấn đề: Nghe và dịch các mẫu hội thoại, đàm thoại tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành Du lịch, các loại hình dịch vụ du lịch và trong các tình huống của công tác du lịch

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:
 - + Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch.
 - + Từ vựng bậc cao: thuộc các chủ điểm về du lịch và các loại hình dịch vụ du lịch; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.
 - + Ngữ pháp bậc cao: văn phong của ngôn ngữ nói trang trọng và không trang trọng.
 - + Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, tiếng lóng, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, nghĩa: văn bản, tu từ, chơi chữ.

+ Kỹ năng nghe nhớ 3-5 câu, nghe ghi một đoạn, và kỹ thuật dịch từng đoạn, dịch đuôi đối với các phát ngôn của người nói.

8.23. Thực tập chuyên ngành (03 tín chỉ)

8.24. Khóa luận tốt nghiệp (04 tín chỉ)

8.25. Thực hành Biên – Phiên dịch nâng cao (02 tín chỉ)

Môn học được thiết kế dành cho sinh viên cử nhân ngôn ngữ Anh nhằm hỗ trợ sinh viên củng cố và phát triển những kỹ thuật và phương pháp biên-phiên dịch Anh Việt – Việt Anh các tài liệu học thuật và chuyên sâu. Thông qua các bài dịch đa dạng, môn học mở rộng vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp chuyên sâu theo từng chủ đề cho sinh viên. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành dịch nói-dịch viết trên lớp và trong môi trường thực trong suốt khóa học. Từ đó, hỗ trợ sinh viên hoàn thiện kỹ năng và tác phong nghề nghiệp của một biên-thông dịch viên.Thêm vào đó, môn học củng cố thêm kỹ năng về ứng dụng CNTT trong dịch thuật và kỹ năng làm việc theo nhóm, theo cặp để hợp tác và quản lý sản phẩm biên-phiên dịch.

8.26. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ (02 tín chỉ)

Môn học phát triển tổng hợp kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên bao gồm: kỹ năng Đọc, Viết, Ngữ pháp và Từ vựng ở mức độ nâng cao tương đương trình độ C1+ (bậc 5) theo khung năng lực châu Âu.

8.27. Ngôn ngữ học xã hội (02 tín chỉ)

Môn học Ngôn ngữ học xã hội nhằm cung cấp kiến thức đại cương về ngôn ngữ học xã hội, nói cách khác, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Nội dung chính của môn học bao gồm Quá trình ra đời và phát triển của ngôn ngữ, Các biến thể của ngôn ngữ, Các loại hình ngôn ngữ, Tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu, Tiếng Anh là ngôn ngữ cầu nối, Ngôn ngữ xã hội học và Giảng dạy ngôn ngữ.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Huy